

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 07 tháng 5 năm 2019, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 46/2019/TLST-DS, ngày 13 tháng 3 năm 2019.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

- Nguyên đơn: Lê Thị Bé T, sinh năm 1958.

Người đại diện hợp pháp của bà T là ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1954 là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 08/3/2019).

Cùng địa chỉ: ấp K, xã N, huyện T, tỉnh V.

- Bị đơn: Nguyễn Thị Th, sinh năm 1971.

Địa chỉ: ấp K, xã N, huyện T, tỉnh V.

**2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

Bị đơn bà Nguyễn Thị Th có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Lê Thị Bé T số tiền hui vốn 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

Kể từ ngày bà Lê Thị Bé T có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Nguyễn Thị Th chưa thanh toán xong số tiền còn nợ thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Lê Thị Bé T có nghĩa vụ nộp 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*), nhưng do bà T thuộc diện người cao tuổi theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên bà T được miễn  $\frac{1}{2}$  án phí là 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm ngàn đồng*), riêng phần án phí bà T tự nguyện nộp thay cho bà Th là 75.000 đồng (*Bảy mươi lăm ngàn đồng*), nên buộc bà T nộp tiếp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- Lưu: hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

(Đã ký)

**Trần Hoàng Phú**